

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH H**

Bản án số: 24/2025/HS-ST

Ngày 21-01-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Trần Khoa**

Bà **Nguyễn Thị Bồi**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Tấn Lộc** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh H tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Như Hạnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 435/2024/TLST-HS ngày 31/12/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HS ngày 07/01/2025, đối với bị cáo:

Phạm Quỳnh T (L) – Sinh năm: 1994

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Căn hộ 617 chung cư CT1, phường H, thành phố T, tỉnh H; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B – sinh năm 1972 và bà Hồ Thị Kim L – đã chết; bị cáo có hai người con, lớn sinh năm 2013 và nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Bản án Hình sự sơ thẩm số 33/2010/HSST ngày 09/3/2010 của Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng về tội “Cướp giật tài sản” (khi thực hiện hành vi phạm tội, dưới 18 tuổi)

+ Bản án Hình sự sơ thẩm số 379/2013/HSST ngày 02/12/2013 của Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (đối với hành vi phạm tội ngày 09/9/2013)

+ Bản án Hình sự sơ thẩm số 18/2018/HSST ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (đối với hành vi phạm tội ngày 18/12/2017)

+ Bị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố T ban hành Quyết định khởi tố bị can số 236/QĐ-CSHS ngày 28/6/2023 về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (đối với hành vi phạm tội ngày 10/01/2023)

+ Bị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố T ban hành Quyết định khởi tố bị can số 307/QĐ-CSHS ngày 24/7/2023 về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự (đối với hành vi phạm tội từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2023)

Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố T.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* 1/ Ông **Trần Quang T** – sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 12 khóm H, phường H, thành phố T, tỉnh H
Vắng mặt

2/ Bà **Nguyễn Thị Hồng N** – sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn T, xã B, thị xã H, tỉnh H.
Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong 02 ngày 20, 31 tháng 10 năm 2023, trên địa bàn phường T, thành phố T, Phạm Quỳnh T đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: khoảng 13 giờ 30 phút ngày 20/10/2023, Phạm Quỳnh T đi bộ trên đường T, nhằm mục đích tìm ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đi đến khu vực vỉa hè trường mầm non T, phường T, thành phố T, T thấy xe máy hiệu Honda AirBlade màu trắng, biển kiểm soát 79D1-124.12 của anh Trần Quang T đang để trên vỉa hè, không có người trông giữ nên lén lút đến gần, dùng “đoản” phá khóa khởi động xe rồi bỏ chạy về khu vực R, phường P, thành phố T tìm nơi tiêu thụ.

Sau khi bị mất trộm xe, anh Trần Quang T đến trình báo tại Công an phường T. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Công an phường T phát hiện T cùng chiếc xe trên tại khu vực R.

Vụ thứ hai: khoảng 18 giờ 30 phút ngày 31/10/2023, đối tượng “T1” (chưa rõ lai lịch) điều khiển xe máy hiệu Yamaha, không rõ biển kiểm soát chở Phạm Quỳnh T đi loanh quanh khu vực thành phố T, tìm ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đi đến khu vực cửa hàng KFC, Tòa nhà T Center đường T, phường T, thành

phố T, cả hai phát hiện xe máy hiệu Yamaha Sirius, màu đen, biển kiểm soát số 79H1-915.84 của chị Nguyễn Thị Hồng N đang để ở vỉa hè, không có người trông giữ nên “T1” cảnh giới, còn T lén lút đến gần, dùng “đoản” phá khóa, khởi động xe rồi điều khiển xe bỏ chạy. Sau đó, T điều khiển xe máy đến khu vực đường H, phường T, thành phố T bán cho một người (chưa rõ lai lịch) với giá 2.500.000 đồng. Số tiền bán xe, T chia cho “Tí” 1.000.000 đồng.

Sau khi bị mất trộm xe, chị Nguyễn Thị Hồng N đến trình báo tại công an phường T. Đến khoảng 11 giờ ngày 01/11/2023, công an phường T phát hiện T và đưa T về trụ sở làm việc.

Qua trình điều tra, T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Sau khi làm việc, Phạm Quỳnh T đã bỏ trốn và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T ra Quyết định truy nã số 4267/QĐTN-CSĐT-ĐHS ngày 01/7/2024. Đến ngày 03/10/2024, T đến Công an phường P, thành phố T đầu thú.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 444/KL-HĐ ĐGTS ngày 03/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban thành phố T kết luận: xe máy hiệu Honda AirBlade, biển kiểm soát số 79D1-124.12 có giá trị là 7.200.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 445/KL-HĐ ĐGTS ngày 03/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban thành phố T kết luận: xe máy hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát số 79H1-915.84 có giá trị là 9.849.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Phạm Quỳnh T trộm cắp có giá trị là 17.049.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKSNT ngày 30/12/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh H đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh H để xét xử đối với bị cáo Phạm Quỳnh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị hại ông Trần Quang T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa, bị hại bà Nguyễn Thị Hồng N vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.849.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Quỳnh T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Quỳnh T bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Hồng N số tiền 9.849.000 đồng; bị cáo T phải chịu án phí theo quy định.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Phạm Quỳnh T đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên rất hối hận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị Hồng N vắng mặt, tuy nhiên ông Trần Quang T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường thiệt hại. Bà Nguyễn Thị Hồng N vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.849.000 đồng. Nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ Luật tố tụng Hình sự.

[3]. Về tội danh: Bị cáo Phạm Quỳnh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Cáo trạng số 10/CT-VKSNT ngày 30/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo Phạm Quỳnh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi: Hành vi của bị cáo Phạm Quỳnh Trâm là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của bị hại, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý bị cáo thật nghiêm khắc, cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phát huy hiệu quả phòng ngừa chung trong xã hội.

[5]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội 02 lần nên áp dụng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, an tâm cải tạo, tu dưỡng trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Trần Quang T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường thiệt hại.

Bị hại bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.849.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường với số tiền 9.849.000 đồng cho bị hại nên ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 tay vặn chữ L chiều dài 15cm, 01 thanh kim loại dài 18cm một đầu lục giác một đầu bẹp là những đồ vật bị cáo dùng làm công cụ để thực hiện hành vi trộm cắp không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Vật chứng trên được giao nhận theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/01/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố T và Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

[8]. Về án phí: Bị cáo Phạm Quỳnh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 492.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9]. Đối với đối tượng tên “T1” và người đã mua xe máy biển kiểm soát số 79H1-915.84, hiện chưa xác minh được nhân thân, lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố T tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Quỳnh T **01(một) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Phạm Quỳnh Trâm phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Hồng N 9.849.000 đồng (*chín triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn đồng*).

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; buộc bị cáo Phạm Quỳnh T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 492.000 đồng (*bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP. T;
- VKSND tỉnh H;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Cơ quan điều tra Công an TP. T;
- TAND tỉnh H;
- Sở Tư pháp tỉnh H;
- Chi cục THADS TP. T;
- Lưu án văn, hồ sơ;

Đào Dương Thị Phương Dung